

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-PT

Ngày 12 - 5 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng giao nhận khoán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết; ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLPT-DS ngày 12/02/2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2020/QĐ-PT ngày 12/4/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc T - Chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn L - Chức vụ: Phó giám đốc; ông Võ Khắc T - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch nông nghiệp; ông Trần Văn Đ - Chức vụ: Đội trưởng đội 9, ông L và ông Đ có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Tạ Thị H, sinh năm: 1967, địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn 09, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn:

- Ông Lê Duy T1, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk

Lắc, có mặt.

- Ông Vũ Minh T2, sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn 09, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Văn T3, có mặt.

- Ông Hà Văn T4, vắng mặt.

- Bà Hà Thị Kim T5, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Quảng Cư 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Văn Hoàn, địa chỉ: Thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A (Gọi tắt Công ty A) được chuyển từ Công ty cà phê A theo Quyết định số 1087/QĐ - ĐMDN ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê đất vào mục đích sản xuất kinh doanh trồng cà phê, sản xuất lúa giống, nông sản...trong sản xuất công ty áp dụng cơ chế khoán vườn cây, đất cho người lao động theo Nghị định 135 ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

Ngày 10/8/2013 được sự nhất trí của Công ty A hộ bà Tạ Thị H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H 1.250m² đất ruộng, ngày 10/12/2013 hộ bà H có ký hợp đồng giao nhận khoán đất để trồng lúa với Công ty số 131/2B/2013/HĐGNK với diện tích 1.250m², tờ bản đồ số 80, thửa đất số 142, tại thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, sản lượng thóc khô phải nộp là 189kg/01 vụ (một năm hai vụ), thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/12/2013 đến hết ngày 31/12/2015. Bà Phạm Thị T ký hợp đồng giao nhận khoán đất để trồng lúa số 167/2/2011/HĐGNK ngày 10/8/2011 với diện tích 2.603m², tờ bản đồ số 82, thửa đất số 106, 132, 137 tại đội 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, sản lượng thóc khô phải nộp là 350kg/01 vụ (một năm hai vụ), thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/8/2011 đến hết ngày 31/12/2015.

Khi kỳ khoán 2011 – 2015 kết thúc, thực hiện chủ trương sắp xếp lại doanh nghiệp, Tổng công ty cà phê Việt Nam có văn bản yêu cầu các Công ty, nông trường trực thuộc Tổng công ty gia hạn khoán kéo dài thêm 02 năm và hướng dẫn quy trình xây dựng phương án khoán. Thực hiện sự chỉ đạo, Công ty A xây dựng dự thảo phương án khoán, gửi cho các đơn vị đóng góp ý kiến, được đưa ra hội nghị người lao động thông qua và được Tổng công ty cà phê Việt Nam xem xét, đồng ý phê duyệt. Sau đó, Công ty A tổ chức ban hành và ký phụ lục hợp đồng kéo dài thêm 02 năm (2016-2017),

nội dung của “phụ lục hợp đồng giai đoạn 2016 – 2017” không khác so với “Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm giai đoạn năm 2011 – 2015” theo quyết định số 105/QĐ-HĐTV ngày 17/3/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty cà phê Việt Nam. Quá trình thực hiện hợp đồng từ năm 2011 đến ngày 2016 đối với bà Thoan, từ năm 2013 đến 2016 đối với hộ bà Hoa giao nộp đầy đủ sản lượng giao nhận khoán nhưng từ vụ xuân và vụ mùa năm 2017 bà T, bà H không nộp sản cho công ty. Công ty nhiều lần gửi thông báo nhưng bà T, bà H cố tình không nộp. Theo các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, bà T, bà H đã hai vụ liên tiếp không nộp sản phẩm khoán theo hợp đồng là đã vi phạm điểm 2.5 khoản 2 Điều 3; điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 của hợp đồng nhận khoán. Tại đơn khởi kiện, công ty đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết:

1. Buộc hộ bà Tạ Thị H phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 365kg (Vụ xuân 176kg, vụ mùa 189kg), quy ra tiền theo giá thời điểm năm 2017 cùng tiền lãi chậm trả là 2.379.894 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tư đồng), trong đó khoản nợ gốc là 2.225.200 đồng và lãi chậm trả là 154.694 đồng. Đồng thời, yêu cầu hộ bà H phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán là 1.250m².

2. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 674kg (Vụ xuân 324kg, vụ mùa 350kg), quy ra tiền theo giá thời điểm năm 2017 cùng tiền lãi chậm trả là 4.394.138 đồng, trong đó khoản nợ gốc là 4.108.000 đồng và lãi chậm trả là 285.338 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà T phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán là 2.603m².

Ngày 03/10/2019, Công ty A đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T và hộ bà H phải trả sản lượng hai mùa vụ năm 2017 và lãi suất phát sinh. Chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar hủy hợp đồng giao nhận khoán với hộ bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T, buộc hộ bà Tạ Thị H phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán là 1.250m², buộc bà Phạm Thị T phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán là 2.603m² theo hợp đồng nhận khoán đã ký.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ngày 10/8/2013 được sự nhất trí của Công ty A hộ bà Tạ Thị H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H 1.250m² đất ruộng. Gia đình bà H có ký hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm với công ty theo hợp đồng số 131/2B/2013/HĐ-GNK ngày 13/12/2013 áp dụng với người nhận khoán không tham gia bảo hiểm xã hội, diện tích nhận khoán là 1.250m², tờ bản đồ số 80, thửa đất số 142 tại thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, sản lượng nộp khoán là 189kg/01 vụ (Một năm có hai vụ).

Gia đình bà T có hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm với công ty theo hợp đồng số 167/2/2011/HĐ-GNK ngày 10/8/2011 áp dụng với người nhận khoán không tham gia bảo hiểm xã hội, diện tích nhận khoán là 2.603m² (tờ bản đồ số 82, thửa đất số 106, 132, 137 tại đội 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk), sản lượng nộp khoán là 350kg/01 vụ (Một năm có hai vụ).

Thời gian thực hiện của 02 hợp đồng nói trên là kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 31/12/2015. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng gia đình bà H, bà T không ký thêm bất kỳ phụ lục hợp đồng nào với công ty. Tuy nhiên, năm 2016 công ty vẫn thu sản của gia đình bà H và bà T khi không có bất cứ giao kết hợp đồng nào là không đúng theo quy định của pháp luật. Việc công ty khởi kiện bà T yêu cầu trả số tiền 4.394.138 đồng, hộ bà H số tiền 2.379.894 đồng và yêu cầu trả lại đất thì gia đình bà H và bà T không đồng ý. Vì gia đình bà H và bà T đều yêu cầu công ty giải thích từng khoản thu đã thu của gia đình bà H và bà T từ năm 2011 cho đến năm 2017 bao gồm thuế thu sử dụng vốn ngân sách, quỹ dự phòng mất việc làm, tiền thuê đất, khấu hao đồng ruộng, lãi vay bình quân, bảo hộ lao động, hợp đồng người lao động, chi phí quản lý. Các khoản thu nêu trên không hợp lý và không đúng theo quy định của Tổng công ty cà phê Việt Nam. Gia đình bà H và bà T đã nhiều lần làm đơn kiến nghị yêu cầu Tổng công ty giải quyết bóc tách từng khoản thu, tuy nhiên không nhận được giải quyết. Nếu Tổng công ty cà phê Việt Nam giải thích phù hợp thì gia đình bà H và bà T sẽ nộp sản cho công ty đầy đủ.

Phía bị đơn xác định chữ ký trong phụ lục hợp đồng không phải của bà T. Hiện nay, không xác định được chữ ký trong phụ lục hợp đồng là của ai. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành giám định chữ ký Phạm Thị T trong phụ lục hợp đồng không phải chữ ký của bà T. Công ty cho rằng chữ ký trong phụ lục hợp đồng là của ông T thì yêu cầu công ty cung cấp giấy ủy quyền của bà T ủy quyền cho ông T2.

Phía bị đơn xác định chữ ký trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng không phải do bà H viết và ký ra nên yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của bà H trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng có phải chữ ký của bà H không.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày:

Vào ngày 10/8/2013, được sự đồng ý của Công ty A gia đình tôi có nhận chuyển nhượng đất ruộng của ông Nguyễn Văn H, trú tại thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, từ đó đến nay gia đình tôi vẫn canh tác trên diện tích đất này.

Việc Công ty xác định gia đình tôi đã ký hợp đồng nhận khoán, cũng như phụ lục hợp đồng với Công ty là không đúng, từ khi nhận sang nhượng đến nay Công ty chưa hề có văn bản nào yêu cầu gia đình tôi ký hợp đồng giao nhận khoán gì với công ty cả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T4, bà Hà Thị Kim T5 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Hà Văn T1 và bà Tạ Thị H, việc sang nhượng đất cũng như ký hợp đồng thuê khoán với Công ty thì chúng tôi không biết và không liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi là công nhân đội 9, Công ty A. Năm 2012 được sự đồng ý của công ty và hai bên gia đình nên tôi có chuyển nhượng cho gia đình bà Tạ Thị H 1.250m² đất ruộng. Gia đình bà H canh tác từ đó đến nay không liên quan gì đến gia đình tôi và tôi xin Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Tại bản án số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A.

- Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A với hộ bà Tạ Thị H, lập ngày 10/12/2013.

Buộc hộ bà Tạ Thị H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê 720 diện tích 1.250m² đất, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại: Thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị Y dài 113,5m; Phía Tây giáp bờ nương dài 113,5m; Phía Bắc giáp bờ nương dài 10,9m; Phía Nam giáp bờ nương dài 11,6m.

- Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A với bà Phạm Thị T, lập ngày 10/8/2011.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A diện tích 2.603m² đất, thửa đất số 106; 132; 137, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại: Đội 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Thửa đất 106 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp nương nước dài 21m; Phía Tây giáp thửa đất số 132 dài 23,6m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 44,7m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 34,7m;

Thửa đất 132 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 106 dài 23,6m; Phía Tây giáp thửa đất 137 dài 23m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 36,4m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 34,7m;

Thửa đất 137 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 132 dài 23m; Phía Tây giáp thửa đất số 159 của bà Nguyễn Thị T và thửa đất số 158 của ông Võ Hoàng T

dài 23,2m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 36,5m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 42,7m;

Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A về việc yêu cầu hộ bà Tạ Thị H phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 365kg (Vụ xuân 176kg, vụ mùa 189kg) cùng lãi suất phát sinh khi chậm nộp sản lượng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A về việc yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 674kg (Vụ xuân 324kg, vụ mùa 350kg) cùng lãi suất phát sinh khi chậm nộp sản lượng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 01/11/2019, bị đơn bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn; đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Công ty TNHH MTV cà phê A (gọi tắt là Công ty A) khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng giao khoán; buộc hộ bà Tạ Thị H phải trả lại diện tích giao

khoán là 1.250m², thửa đất số 142, tờ bản đồ số 80, tại thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; buộc hộ bà Phạm Thị T phải trả lại diện tích 2.603m², thửa đất số 106, 132, 137, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại đội 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, yêu cầu hộ bà H, hộ bà T phải trả cho Công ty A sản lượng thóc khô giao khoán của hai vụ năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc hộ bà H và hộ bà T phải trả sản lượng thóc khô giao khoán nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] *Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Ngày 10/8/2011, Công ty cà phê A ký hợp đồng giao nhận khoán đất trồng lúa số 167/2/2011/HĐGNK với hộ bà Phạm Thị T, diện tích 2.603m², sản lượng thóc khô phải nộp là 350kg/01 vụ (một năm hai vụ), thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/8/2011 đến hết ngày 31/12/2015; ngày 10/12/2013, Công ty cà phê A ký hợp đồng giao nhận khoán đất trồng lúa số 131/2B/2013/HĐGNK với hộ bà Tạ Thị H, diện tích 1.250 m², sản lượng thóc khô phải nộp là 189kg/vụ (một năm hai vụ), thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/12/2013 đến hết ngày 31/12/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà T, hộ bà H đã thực hiện việc quản lý, canh tác trồng lúa trên diện tích đất nhận khoán và đóng đầy đủ sản lượng hằng năm theo thỏa thuận hai bên đã ký kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện xong hợp đồng kỳ khoán năm 2011 – 2015, thì giữa Công ty với các hộ dân vẫn không thanh lý hợp đồng mà Công ty tiếp tục áp dụng nội dung phương án khoán thêm 02 năm nữa (tức là kéo dài 2 năm kế tiếp năm 2016 và năm 2017), Công ty A đã xây dựng phương án khoán kéo dài và đã được Hội nghị đại biểu người lao động của Công ty thông qua, được Tổng công ty cà phê Việt Nam ra Quyết định phê duyệt phương án.

Sau kỳ khoán 2011-2015 kết thúc, thì bà T cho rằng bà không ký phụ lục hợp đồng số 167/2/2016/PLHĐ ngày 01/4/2016 mà Công ty ban hành, nhưng bà T vẫn tiếp tục canh tác trồng lúa và thu hoạch sản phẩm trên diện tích đất nhận khoán trước đó. Đồng thời vào niên vụ năm 2016, bà T vẫn nộp sản lượng đầy đủ cho Công ty A. Như vậy, chứng tỏ bà T đã biết việc ông T2 chồng bà có ký thay bà vào phụ lục hợp đồng mà Công ty đã giao. Đối với hộ bà H cho rằng bà không biết và cũng không ký phụ lục hợp đồng số 131/2B/2016/PLHĐ ngày 01/4/2016, nhưng tại bản tự khai và qua các lần hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, thì đại diện theo ủy quyền của bà H xác định bà H có ký hợp đồng giao nhận khoán, hộ bà H vẫn tiếp tục sử dụng canh tác trên diện tích đất này từ đó đến nay, niên vụ 2016 hộ bà H vẫn đóng sản đầy đủ và không có ý kiến gì.

Đến năm 2017, thì hộ bà H, bà T không thực hiện nghĩa vụ đóng sản lượng lúa theo quy định cho Công ty A nữa. Công ty cũng đã thông báo, giải thích nhiều lần để hộ bà H, bà T thực hiện nghĩa vụ đóng sản lượng. Tuy nhiên, hộ bà H và bà T vẫn không thực hiện. Như vậy, hộ bà H, bà T đã vi phạm điểm 2.5 khoản 2 Điều 3 của hợp

đồng giao nhận khoán sản xuất lúa nước giai đoạn 2011-2015 và phụ lục hợp đồng 167/2/2016/PLHD ngày 01/4/2016 mà trước đó các bên đã ký kết, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt các hợp đồng nhận khoán nói trên, đồng thời buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất đã nhận khoán trước đây cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn, bị đơn đều xác định là mùa vụ lúa vừa thu hoạch xong nên toàn bộ diện tích đất ruộng nhận khoán hiện nay đang là đất trống. Do buộc bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn nên kể từ mùa vụ sau trở đi hộ bà H và bà T không được quyền canh tác, sản xuất trên thửa đất đó nữa.

[4] *Về án phí*: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 501, 502, 503, 511 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A.

1. Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A với hộ bà Tạ Thị H, lập ngày 10/12/2013.

Buộc hộ bà Tạ Thị H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A diện tích 1.250m² đất, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại: Thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị Yên dài 113,5m; Phía Tây giáp bờ nương dài 113,5m; Phía Bắc giáp bờ nương dài 10,9m; Phía Nam giáp bờ nương dài 11,6m, trên đất không có tài sản gì.

2. Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A với bà Phạm Thị T, lập ngày 10/8/2011.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A diện tích 2.603m² đất, thửa đất số 106; 132; 137, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại: Đội 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trên đất không có tài sản gì;

Thửa đất 106 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ruộng nước dài 21m; Phía Tây giáp thửa đất số 132 dài 23,6m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 44,7m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 34,7m;

Thửa đất 132 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 106 dài 23,6m; Phía Tây giáp thửa đất 137 dài 23m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 36,4m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 34,7m;

Thửa đất 137 có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 132 dài 23m; Phía Tây giáp thửa đất số 159 của bà Nguyễn Thị T và thửa đất số 158 của ông Võ Hoàng T dài 23,2m; Phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Đình D dài 36,5m; Phía Nam giáp thửa đất của ông Tạ Văn D dài 42,7m.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A về việc yêu cầu hộ bà Tạ Thị H phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 365kg (Vụ xuân 176kg, vụ mùa 189kg) cùng lãi suất phát sinh khi chậm nộp sản lượng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A về việc yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả cho công ty số thóc còn nợ của hai vụ trong năm 2017 là 674kg (Vụ xuân 324kg, vụ mùa 350kg) cùng lãi suất phát sinh khi chậm nộp sản lượng.

3. Về chi phí thẩm định: Bà Tạ Thị H, bà Phạm Thị T phải nộp mỗi người 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định. Hoàn trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A số tiền 1.200.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định tài sản đã nộp sau khi thu được của bà Tạ Thị H, bà Phạm Thị T.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu 2.520.000 đồng chi phí giám định, buộc Công ty TNHH MTV cà phê A phải chịu 2.520.000 đồng chi phí giám định (mỗi bên phải chịu 50% đối với số tiền giám định chữ ký của bà T). Do Công ty TNHH MTV cà phê A đã nộp tạm ứng chi phí giám định 5.040.000 đồng nên cần hoàn trả lại cho công ty 2.520.000 đồng sau khi thu được của bà Phạm Thị T.

Buộc Công ty TNHH MTV cà phê A phải chịu 5.040.000 đồng chi phí giám định (đối với việc giám định chữ ký của bà H). Do bà Tạ Thị H đã nộp tạm ứng chi phí giám định 5.040.000 đồng nên hoàn trả lại cho bà Hoa 5.040.000 đồng sau khi thu được của Công ty TNHH MTV cà phê A.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số AA/2017/0004308; AA/2017/0004307 ngày 17/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị H và bà Phạm Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà H, bà T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013458; AA/2017/0013459 ngày 07/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh